

NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN ĐỘNG LỰC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN: NGHIÊN CỨU TẠI MỘT TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở HÀ NỘI

Ths. Nguyễn Thùy Dung

Đại học Lao động- Xã hội

Email: dung_dhld@yahoo.com

TS. Phan Thị Thục Anh

Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: ptanh@bsneu.edu.vn

Động lực học tập là một vấn đề quan trọng có ảnh hưởng đến thái độ và kết quả học tập của sinh viên (Cole và Chan, 1994). Kết quả học tập, những gì sinh viên học và vận dụng được có tính quyết định lớn đến sự nghiệp của họ sau này. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng các nhóm yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên bao gồm nhóm yếu tố thuộc về nhà trường, nhóm yếu tố thuộc về gia đình và đặc tính cá nhân của sinh viên đó. Bài viết này trình bày kết quả nghiên cứu về những yếu tố tác động đến động lực học tập của sinh viên trong phạm vi nhà trường thông qua việc kiểm định một mô hình lý thuyết trên cơ sở số liệu thu thập được từ 423 sinh viên trong một trường đại học tại Hà Nội. Kết quả cho thấy sự hài lòng của sinh viên về chất lượng giảng viên, môi trường học tập, điều kiện học tập, các hoạt động hỗ trợ sinh viên trong học tập có tác động tích cực lên động lực học tập của họ. Bài viết đưa ra một số gợi ý đối với giảng viên và công tác quản lý của nhà trường.

Từ khóa: giảng viên, sinh viên, động lực, động lực sinh viên

1. Giới thiệu về động lực học tập của sinh viên

Các nhà nghiên cứu về tâm lý học đã chỉ ra rằng động lực có một vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động của con người, động lực là một quá trình nội tại, giúp thúc đẩy, định hướng và duy trì hành động liên tục (Murphy & Alexander, 2000; Pintrich, 2003; Schunk, 2000; Stipek, 2002). Nói cách khác, động lực chính là yếu tố thôi thúc con người hành động để thoả mãn nhu cầu. Con người không thể đạt được mục đích của mình nếu không có động lực.

Về động lực học tập của người học, Bomia et al. (1997) cho rằng đó là sự khao khát, mong muốn, hào hứng, cảm thấy có trách nhiệm và đầy nhiệt huyết trong quá trình học tập. Động lực học tập là nguyên nhân dẫn đến hành động của sinh viên (Merriam-Webster, 1997), là sự nỗ lực cố gắng để hoàn thành có kết quả một công việc nào đó (DuBrin, 2008).

Như vậy, động lực học tập có vai trò vô cùng

quan trọng đối với người học nói chung và sinh viên nói riêng. Không có động lực học tập, sinh viên không có lòng khát khao, hào hứng, mong muốn và cảm thấy có trách nhiệm trong việc học. Họ sẽ lảng tránh việc học hoặc học một cách đối phó, hình thức và như vậy kiến thức và kỹ năng thu được sẽ hạn chế. Ngược lại, nếu có động lực học tập, sinh viên sẽ khát khao và hứng thú trong học tập, do đó kết quả thu được thường sẽ rất tích cực.

Động lực là một vấn đề rất quan trọng trong giáo dục bậc cao bởi kết quả học tập có tầm quan trọng trong suốt cuộc đời sự nghiệp sau này của người học. Biết được những nhân tố ảnh hưởng đến thái độ học tập của sinh viên và cái gì sẽ tạo thuận lợi trong việc học, cái gì đứng đằng sau quá trình học tập của họ sẽ giúp những người làm giáo dục dự báo được kết quả học tập, có thể đưa ra những sự giúp đỡ đối với sinh viên (SV) trước khi điểm số của họ giảm (Kamauru, 2000).

Động lực học tập của sinh viên thường được chia

ra làm hai loại là động lực bên trong (intrinsic motivation) và động lực bên ngoài (extrinsic motivation).

Động lực bên trong là sự thích thú, sự yêu thích hoặc vì một thành tích của họ trong học tập hay vì một mục tiêu cá nhân. Dev (1997) đã chỉ ra rằng những sinh viên được tạo động lực từ bên trong thì sẽ không cần bất kỳ một loại phần thưởng nào hoặc một sự khuyến khích nào thúc đẩy họ hoàn thành nhiệm vụ. Những sinh viên này thường chọn và hoàn thành những nhiệm vụ và những hoạt động nhiều thách thức. Lepper (1988) chỉ ra rằng động lực bên trong cho thấy lợi ích của việc yêu thích kiến thức học được, thích học, hoặc gợi lên cảm giác muốn hoàn thành nhiệm vụ.

Về động lực bên ngoài, Dev (1997) cho rằng sinh viên có động lực bên ngoài thì việc học là nhằm nhận được một phần thưởng, thực hiện yêu cầu của giáo viên hoặc để tránh bị phạt. Williams, Kaylene C, Caroline (2011) cho rằng khi người học có mục đích học để tránh phải làm việc khác, học để thỏa mãn mong đợi của người khác (cha mẹ hoặc thầy cô chẳng hạn), hoặc vì muốn cạnh tranh với người khác, khi đó họ có động lực học tập bên ngoài.

Những sinh viên có động lực nội tại thường háo hức hơn, nỗ lực hơn, cố gắng vượt qua thách thức nhiều hơn và có cảm giác yêu thích việc học của mình hơn, còn những sinh viên có động lực bên ngoài cố gắng kéo họ vào nhiệm vụ, họ cảm thấy bị ép buộc học và họ luôn đặt sự cố gắng thấp nhất cho những yêu cầu được đặt ra.

Với động lực nội tại, sinh viên có xu hướng sử dụng những kế hoạch học tập, những kế hoạch này yêu cầu họ phải có nỗ lực nhiều hơn và thôi thúc họ thu nhận được nhiều thông tin hơn. Condry and Chambers (1978) đã phát hiện ra rằng, khi sinh viên được khuyến khích bởi các nhiệm vụ đòi hỏi trí tuệ cao, những sinh viên có động lực nội tại thường sử dụng tổng hợp những thông tin logic và kế hoạch hành động hơn những sinh viên được tạo động lực từ bên ngoài. Những sinh viên có động lực từ bên trong cũng có xu hướng thích những nhiệm vụ nhiều thách thức, ngược lại những sinh viên có động lực từ bên ngoài có xu hướng nhận những nhiệm vụ ít khó khăn. Những sinh viên này thiên về giảm thiểu sự cố gắng cần thiết để đạt được phần thưởng lớn nhất (Lepper, 1998).

Do động lực học tập đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với thái độ học tập của sinh viên (Cole và Chan, 1994), việc chỉ ra những yếu tố nào tác động lên động lực học tập là hết sức cần thiết và đây cũng là mục tiêu của nghiên cứu này. Phần tiếp theo của bài viết sẽ trình bày mô hình lý thuyết và các giả thuyết nghiên cứu, tiếp theo là phương pháp thu thập và xử lý số liệu, kết quả nghiên cứu và cuối cùng là diễn giải kết quả và kết luận.

2. Mô hình lý thuyết và các giả thuyết nghiên cứu

Giảng viên và động lực học tập của sinh viên

Trong các trường đại học, viện khoa học, vai trò của giảng viên là rất quan trọng để giúp sinh viên thay đổi thái độ đối với việc học. Raffini (1993) đã phát hiện ra rằng sự tin tưởng của giáo viên đối với bản thân họ, kiến thức giảng dạy chuyên sâu của họ làm cho sinh viên có một sự cố gắng lớn, điều này tác động đến thái độ đối với việc học của họ. Deborah et al. (1999) cũng cho rằng phần lớn sinh viên sẽ nỗ lực học tập nếu giảng viên của họ mong đợi họ học. Ngoài ra, phương pháp giảng dạy, tính cách và sự nhiệt tình của giảng viên là những yếu tố tạo nên sự lôi cuốn và quyết định đối với sự yêu thích môn học của sinh viên. Giảng viên đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc tạo động lực học tập cho sinh viên. Giảng viên phải là người khám phá, thúc đẩy và duy trì động lực học tập của sinh viên, đồng thời tham gia vào các hoạt động học tập với vai trò là người hướng dẫn, người định hướng trong học tập.

H1: *Sự hài lòng với chất lượng giảng viên tác động tích cực đến động lực học tập của sinh viên*

Môi trường học tập

Nghiên cứu của Poltechar (1987) đã phát hiện ra rằng sự tham gia học tập của những người trẻ tuổi có khuynh hướng nhằm tăng cường mối quan hệ xã hội nhiều hơn những người lớn tuổi. Williams, Kaylene C, Caroline (2011) cho rằng cần tạo một môi trường học tập để sinh viên cảm thấy gần gũi, an toàn, được tôn trọng và chủ động trong việc tiếp thu kiến thức. Phần lớn sinh viên cho rằng lớp học vui vẻ, không khí học tập sôi nổi, háo hức, mối quan hệ bạn bè tốt đẹp, đoàn kết là một trong những nguyên nhân khiến họ thích đến lớp. Hơn thế nữa, nhu cầu được tham gia vào các hoạt động xã hội tại trường lớp và cộng đồng nhằm mở rộng các mối quan hệ xã hội, tăng cường các kỹ năng sống là mong muốn của

nhiều sinh viên.

H2: *Sự hài lòng với môi trường học tập tác động tích cực đến động lực học tập của sinh viên*

Điều kiện học tập

Theo Cole và Chan (1994), điều kiện vật chất của lớp học, trang thiết bị dạy và học, môi trường xung quanh và quy mô lớp học có ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên. Một điều kiện học tập tốt, tài liệu giáo trình, các trang thiết bị tại lớp học đáp ứng yêu cầu sẽ làm cho việc tiếp thu kiến thức của sinh viên được dễ dàng hơn. Cũng theo nghiên cứu này, đa phần sinh viên cảm thấy hào hứng hơn với những gì họ được học, được thực hành trong một phòng học có đầy đủ các trang thiết bị.

H3: *Sự hài lòng với điều kiện học tập tác động tích cực đến động lực học tập của sinh viên*

Chương trình đào tạo

Binnerr, Bean và Mellinger (1994) đã đưa ra quan điểm rằng, đối với mỗi chương trình đào tạo, sự hài lòng tăng lên kéo theo sự gia tăng của động lực học tập trong một bộ phận người học; mặc dù sự hài lòng cao không tất yếu mang lại một động lực lớn, nhưng sự hài lòng thấp luôn luôn dẫn tới động lực thấp. Williams, Kaylene C & Coroline (2011) cho rằng chương trình học cần cung cấp cho sinh viên những công cụ để họ có thể áp dụng vào cuộc sống của họ hiện tại và sau này. Sự hài lòng với chuyên ngành đào tạo, hài lòng với nội dung các môn học sẽ giúp sinh viên có thêm sự đam mê, mong muốn khám phá, tìm tòi và do vậy tất yếu sẽ dẫn tới kết quả học tập tốt.

H4: *Sự hài lòng với chương trình đào tạo tác động tích cực đến động lực học tập của sinh viên*

Công tác quản lý của nhà trường

Sự hài lòng của người học đối với các chính sách về quản lý đào tạo, cách thức đánh giá kết quả học tập, tính công bằng và nghiêm túc trong việc thi cử, kết quả học tập có ảnh hưởng đến động lực học tập. Nghiên cứu của Domer (1983) cho rằng sự hài lòng trong học tập của sinh viên được xác định bởi sự khác nhau giữa mức độ mong đợi và kết quả thực tế mà họ thu được. Mức độ mong đợi và kết quả thực tế mà họ thu được sẽ mang đến sự hài lòng nhiều hơn hay ít hơn và do vậy sẽ ảnh hưởng đến động lực học tập của họ. Nếu kết quả đạt được trong thực tế đúng như mong đợi và mong đợi lại xuất phát từ sự

cố gắng trong học tập thì động lực học tập sẽ được nâng lên. Do vậy, những công tác quản lý nhằm hướng tới đảm bảo sự công bằng, nghiêm túc, khách quan trong tổ chức thi cử, trong đánh giá kết quả học tập và những hỗ trợ cần thiết khác trong quá trình học tập như việc giải đáp các thắc mắc có liên quan đến điểm thi, điều kiện dự thi... có ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên. Nếu sinh viên cảm thấy yên tâm và hài lòng về sự công bằng và khách quan trong các hoạt động này, họ sẽ nỗ lực hơn trong học tập.

Trong nghiên cứu này, để phù hợp với bối cảnh nghiên cứu, tác giả đưa các yếu tố phản ánh công tác quản lý và các hoạt động hỗ trợ đào tạo vào mô hình nghiên cứu, đó là: quản lý đào tạo, công tác sinh viên và hoạt động phong trào.

H5a: *Sự hài lòng với các công tác quản lý đào tạo tác động tích cực đến động lực học tập của sinh viên*

H5b: *Sự hài lòng với công tác sinh viên tác động đến động lực học tập của sinh viên*

H5c: *Sự hài lòng với các hoạt động phong trào tác động đến động lực học tập của sinh viên*

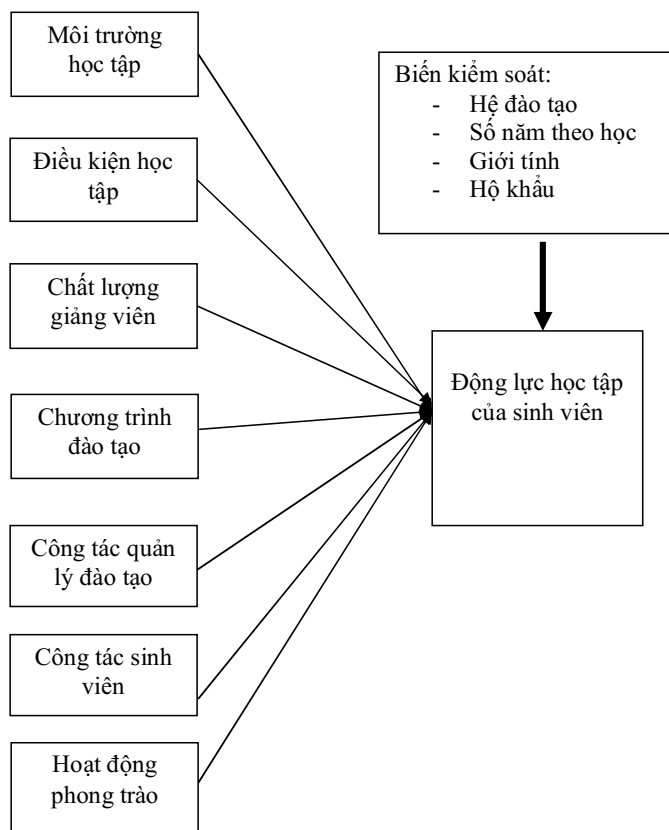
Như vậy, động lực học tập của sinh viên là một vấn đề phức tạp, nó bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố. Các yếu tố thuộc nhà trường tác động đến động lực học tập của sinh viên được mô tả trong hình 1.

3. Phương pháp thu thập và xử lý số liệu

Để thực hiện được mục tiêu nghiên cứu và với đặc thù là một nghiên cứu khám phá, tác giả đã sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên theo tầng lớp với lý do giúp người trả lời dễ tiếp cận, sẵn sàng trả lời và để đảm bảo bao quát được tất cả các đối tượng cần nghiên cứu. Khách thể trong nghiên cứu này là sinh viên của trường Đại học Lao động Xã hội. Mỗi khoa và mỗi hệ đào tạo trong trường sẽ chọn ngẫu nhiên mỗi khóa hai lớp và mỗi lớp chọn ngẫu nhiên 20 sinh viên để gửi phiếu điều tra.

Kích thước mẫu được căn cứ vào số lượng thang đo của các biến đưa vào mô hình. Theo Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), kích thước mẫu ít nhất gấp 4 đến 5 lần số biến trong phân tích nhân tố là đạt yêu cầu. Trong bài nghiên cứu này, số lượng biến (thang đo) là $37 \times 5 = 175$. Mẫu dự kiến ban đầu là 500, số lượng phiếu thu thập về có thể sử dụng được là 423 phiếu, đảm bảo thực hiện được mục tiêu nghiên cứu.

Hình 1: Mô hình các nhân tố tác động lên động lực học tập của sinh viên



Các thang đo Likert 5 cấp độ (1: không đồng ý, đến 5: rất đồng ý) được xây dựng theo lý thuyết, ngoài ra một số thang đo được sử dụng và phát triển từ một số nghiên cứu trước như nghiên cứu của Afzal, Hasan và các cộng sự (2010), nghiên cứu của Chen, Pih-Shuw, Chih, Jin-Ton (6/2012).

Động lực học tập của sinh viên được đo bằng 5 câu hỏi liên quan đến mức độ hào hứng, thích thú của sinh viên với việc học, việc họ cảm thấy có trách nhiệm và được khuyến khích trong học tập.

Các thang đo cho biến “giảng viên” là các câu hỏi về sự hài lòng của sinh viên đối với kiến thức và kỹ năng học được, về kiến thức chuyên môn, thái độ và ý thức kỷ luật của giảng viên trong học tập, việc tạo hứng thú trong giờ học của giảng viên.

Các thang đo cho biến “chuyên ngành đào tạo” là các câu hỏi về sự hài lòng của sinh viên đối với chuyên ngành theo học, với các môn học, mức độ cập nhật kiến thức và sự tin tưởng vào triển vọng phát triển của ngành theo học.

Các thang đo cho biến “môi trường học tập” là các câu hỏi về sự hài lòng của sinh viên về không khí học tập tại lớp học, mối quan hệ với bạn bè trong

lớp, các hoạt động của lớp, sự quan tâm của giáo viên chủ nhiệm.

Các thang đo cho biến “điều kiện học tập” là các câu hỏi về sự hài lòng của sinh viên về các trang thiết bị dạy học, về tài liệu, giáo trình giảng viên và nhà trường cung cấp, về thư viện của trường.

Các thang đo cho biến “công tác quản lý đào tạo” là các câu hỏi về sự hài lòng của sinh viên đối với các hoạt động quản lý điểm, các thông tin về chương trình học, kế hoạch học, về thái độ giải đáp thắc mắc về điểm thi, điểm phúc khảo, về sự hỗ trợ của khoa và bộ môn.

Các thang đo cho biến “công tác sinh viên” là các câu hỏi về sự hài lòng của sinh viên đối với các tiêu chí và quy trình đánh giá kết quả rèn luyện, về việc giải quyết chế độ chính sách, chế độ học bổng, công tác nội, ngoại trú, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Các thang đo cho biến “hoạt động phong trào” là các câu hỏi về sự hài lòng của sinh viên đối với các hoạt động phong trào của BCH Đoàn trường, về công tác phát triển đảng.

Sau khi có được thang đo cho từng biến phù hợp, tác giả đã thực hiện khảo sát thử với một nhóm gồm 30 sinh viên để đảm bảo thiết kế và ngôn từ sử dụng là phù hợp với đối tượng được trả lời. Phiếu hỏi được điều chỉnh sau khi nhận được phản hồi của nhóm sinh viên trên. Cuối cùng bảng hỏi chính thức được gửi đến với các đối tượng sinh viên như đã xác định ban đầu.

Nội dung phiếu hỏi bao gồm 37 câu chia làm hai phần:

Phần thứ nhất là những thông tin phân loại đối tượng trả lời như giới tính, hộ khẩu, số năm theo học, chuyên ngành (Khoa), hệ đào tạo.

Phần thứ hai là những câu hỏi nhằm khảo sát, đo lường những yếu tố tác động đến động lực học tập của sinh viên.

Các phiếu câu hỏi được gửi trực tiếp cho sinh viên. Một số sinh viên năm cuối được gửi qua email để đảm bảo đủ số lượng như dự kiến.

Cuối cùng, dữ liệu thu thập về được kiểm tra để phân loại tính hợp lệ sau đó được lưu trữ và xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS phiên bản 16.0. Đầu

tiên, kỹ thuật phân tích độ tin cậy và phân tích nhân tố được sử dụng để kiểm tra độ tin cậy và hiệu lực của các thang đo. Sau khi loại bỏ những yếu tố không đảm bảo hai yêu cầu này, số liệu còn lại được tính toán cho các biến chính và sử dụng để thực hiện phân tích hồi quy đa biến nhằm kiểm định các giả thuyết nghiên cứu. Cuối cùng điểm định One-simple T-test và One-way ANOVA được thực hiện để so sánh động lực học tập của sinh viên theo giới tính, theo hộ khẩu, theo hệ đào tạo và số năm theo học.

4. Kết quả nghiên cứu

Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1 cho thấy, đối tượng nghiên cứu là sinh viên nữ chiếm đa số (87.9%) trong mẫu nghiên cứu. Đây cũng là một nét đặc thù của sinh viên nhà trường với những chuyên ngành đào tạo về kinh tế-xã hội. Sinh viên năm thứ tư đang làm khóa luận tại thời điểm khảo sát, do vậy số lượng phiếu thu về hạn chế so với dự kiến ban đầu.

Quá trình xác định hệ số Cronbach's anpha và kết quả phân tích nhân tố khám phá cho thấy 7 biến trong mô hình đề xuất ban đầu đều phù hợp, các thang đo có độ tin cậy đạt yêu cầu (Cronbach's anpha từ 0.659 đến 0.823, các biến giải thích được 65,274% biến thiên của dữ liệu). Mô hình này được tiến hành phân tích hồi quy tuyến tính bằng phương pháp bình phương bé nhất nhất thông thường (OLS). Việc thực hiện chọn biến bằng phương pháp Enter và Stepwise cho ra cùng một kết quả: biến “chuyên ngành đào tạo” có hệ số tương quan riêng phần thấp,

không có ý nghĩa thống kê ($p > 0.05$) đã bị loại ra khỏi mô hình điều chỉnh chỉ còn 6 biến thực sự tác động đến động lực học tập của sinh viên được xếp theo thứ tự tác động từ mạnh nhất đến yếu nhất là: giảng viên, công tác quản lý đào tạo, điều kiện học tập, môi trường học tập, công tác sinh viên, hoạt động phong trào. Hệ số R bình phương hiệu chỉnh ở mô hình 6 (bảng 2) với các biến đưa vào cho thấy mô hình phù hợp với tập dữ liệu đến 81,8% (mô hình 6, bảng 2); kiểm định F với độ tin cậy 99% cho thấy mô hình hồi quy tuyến tính với các biến trên là phù hợp với tập dữ liệu mẫu và tổng thể. Kết quả phân tích cũng cho thấy không có vi phạm về phân phối chuẩn của phần dư, phương sai phần dư không đổi và không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến.

Qua kết quả phân tích, động lực học tập của sinh viên nói chung trong mẫu nghiên cứu ở mức trung bình (3,42). Nhân tố tác động mạnh nhất là nhân tố “giảng viên” (điều này đã ủng hộ cho giả thuyết H1), nhân tố tác động yếu nhất là nhân tố “hoạt động phong trào”. Biến “chuyên ngành đào tạo” bị loại do có hệ số tương quan thấp, không có ý nghĩa thống kê. Các giả thuyết còn lại đều được ủng hộ.

Kết quả phân tích cũng cho thấy: không có sự khác nhau về động lực của sinh viên theo giới tính và hộ khẩu; ngược lại có sự khác biệt đáng kể về động lực nói chung của sinh viên theo chuyên ngành đào tạo, rõ nhất là sự khác biệt về động lực học tập giữa sinh viên hai khoa Quản lý lao động và Công tác xã hội. Động lực học tập nói chung cũng có sự khác biệt theo số năm theo học, khác biệt đáng kể

Bảng 1: Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	51	12,1
	Nữ	372	87,9
Hộ khẩu	Hà Nội	95	22,5
	Các tỉnh khác	328	77,5
Số năm theo học	Năm thứ 1	154	36,4
	Năm thứ 2	113	26,7
	Năm thứ 3	102	24,1
	Năm thứ 4	54	12,8
Khoa đào tạo	Bảo hiểm	54	12,8
	Quản lý lao động	126	29,8
	Kế toán	124	29,3
	Công tác xã hội	119	28,1
Hệ đào tạo	Cao đẳng	75	17,7
	Đại học	300	70,9
	Liên thông	48	11,3

Bảng 2: Kết quả phân tích hồi quy các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên

<i>Biến</i>	<i>Mô hình 1</i> β	<i>Mô hình 2</i> β	<i>Mô hình 3</i> β	<i>Mô hình 4</i> B	<i>Mô hình 5</i> β	<i>Mô hình 6</i> β
Giảng viên	.680***	.504***	.435***	.402***	.369***	.359***
Công tác quản lý đào tạo		.371***	.335***	.320***	.286***	.265***
Điều kiện học tập			.132***	.133***	.121***	.123***
Môi trường học tập				.084***	.080***	.07*** 8
Công tác sinh viên					.104***	.093***
Hoạt động phong trào						.065**
R^2 hiệu chỉnh	.647	.764	.789	.803	.813	.818
F	623.900***	550.232***	425.786***	347.860***	297.550***	255.603***

N=423, ** p< .01, *** p< .001

nhất giữa sinh viên năm thứ ba với năm thứ hai. Các sinh viên thuộc các hệ đào tạo khác nhau cũng có động lực trong học tập nói chung khác nhau, sinh viên hệ cao đẳng có sự khác biệt đáng kể với sinh viên hệ đại học. Bảng 3 cho thấy rõ điều đó.

5. Diễn giải kết quả nghiên cứu và kết luận

Kết quả nghiên cứu đã cho thấy sự hài lòng của sinh viên về các khía cạnh khác nhau trong học tập có ảnh hưởng đến động lực học tập của họ. Yếu tố giảng viên tác động mạnh nhất, điều này đúng với nhiều nghiên cứu trước đây. Kết quả này một lần nữa khẳng định vai trò của giảng viên trong việc nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường. Theo Raffini (1993), Deborah et al. (1999) và nhiều nghiên cứu khác thì thái độ, phương pháp giảng dạy và trình độ chuyên môn của giảng viên có tác động tích cực đến động lực bên trong của sinh viên. Khi sinh viên có được động lực học tập bên trong sẽ chủ động tìm

kiếm trí thức, có được kết quả học tập hơn cả mong đợi. Điều này là cần thiết đối bản thân sinh viên cho sự nghiệp sau này của họ và với cả nhà trường và xã hội. Do vậy, có thể nói rằng đầu tư đúng hướng nhằm nâng cao chất lượng giảng viên là yêu cầu quan trọng đối với các trường đại học hiện nay.

Mức độ hài lòng về các hoạt động quản lý đào tạo như công tác quản lý điểm, các hỗ trợ trong việc học tập của sinh viên như các giải đáp thắc mắc về điểm, về học lại, thi lại... có ảnh hưởng thứ hai sau yếu tố “giảng viên”. Trong nghiên cứu này, sự hài lòng đối với thái độ tiếp đón sinh viên, sự thiếu chuyên nghiệp trong công tác quản lý đào tạo được đánh giá thấp. Đây là một phát hiện khác so với các nghiên cứu trước đây. Điều này cho thấy các trường đại học cũng cần có cái nhìn nghiêm túc về vấn đề này.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy rõ, các trường đại học cần có những biện pháp nâng cao động lực

Bảng 3: So sánh động lực học tập của sinh viên theo đặc tính cá nhân

	<i>Giới tính</i>	<i>Hộ khẩu</i>	<i>Chuyên ngành đào tạo</i>	<i>Hệ đào tạo</i>	<i>Số năm theo học</i>
P	.777	.973	.006**	.005**	.002**
<i>Mô tả khác biệt</i>	Không khác biệt	Không khác biệt	SV Khoa CTXH có động lực học tập cao nhất	SV hệ cao đẳng có động lực học tập cao nhất	SV năm thứ ba có động lực học tập thấp nhất

N=423, ** p< .01

sinh viên thông qua việc tạo môi trường học tập gần gũi, an toàn, sinh viên cảm thấy được tôn trọng và chủ động trong việc tiếp cận kiến thức; điều kiện học tập với các trang thiết bị và giáo trình học tập đầy đủ (trong nghiên cứu này, đa phần sinh viên cho rằng cảm thấy hào hứng học hơn với những môn học mà giảng viên sử dụng máy chiếu), công tác quản lý sinh viên và hoạt động phong trào cần có nhiều sáng tạo, tạo điều kiện thuận lợi nhất, tạo sân chơi cho sinh viên phát triển toàn diện nhiều kỹ năng cho cuộc sống sau này của họ.

Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, các sinh viên ở các khoa khác nhau, các hệ đào tạo khác nhau và số năm theo học khác nhau có sự hài lòng khác nhau và cũng có động lực học tập khác nhau. Động lực học tập của sinh viên trong mẫu nghiên cứu thấp nhất ở năm thứ ba, động lực học tập của sinh viên hệ đại học thấp hơn so với hệ cao đẳng và liên thông. Điều này cho thấy sinh viên đại học với năng lực chuyên môn cao hơn có những yêu cầu cao hơn với chất lượng giảng dạy cũng như quản lý của nhà trường. Do vậy, để có những điều chỉnh cụ thể nhằm nâng chất lượng hoạt động của nhà trường, từ đó nâng cao động lực học tập của sinh viên- đối tượng cần quan tâm. Bên cạnh đó nhà trường cũng

cần đẩy mạnh các hoạt động đối với sinh viên năm thứ nhất để họ có thể thích nghi một cách nhanh chóng với môi trường và phương pháp học tập, từ đó hình thành động cơ học tập ngay từ ban đầu.

Nghiên cứu này mới chỉ cho thấy những nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên trong phạm vi nhà trường. Để có được động học tập của sinh viên thì yếu tố quan trọng cần phải nghiên cứu tiếp theo đó là yếu tố gia đình, trong đó thái độ của cha mẹ đối với việc học của con cái, phương pháp dạy dỗ con cái có vai trò quan trọng tác động đến động lực bên trong trong của sinh viên. Ngoài ra các đặc tính cá nhân khác như tính cách và năng lực của sinh viên cũng có tác động mạnh đến động lực của họ. Điều này cần phải kiểm định với những đặc thù của sinh viên tại các trường đại học của Việt Nam. Bên cạnh đó, nghiên cứu mới chỉ thực hiện kiểm định tại một trường, nên việc lặp lại nghiên cứu này ở nhiều trường đại học khác nhau trên một quy mô rộng hơn sẽ cho kết quả mang tính chất tổng hợp và khái quát hơn về các yếu tố tác động đến động lực của sinh viên trong trường đại học. □

Tài liệu tham khảo:

1. Afzal, Hasan, Ali, Imza, Khan, Muhamad Asham, Hamid, Kashif (2010), 'A Study of University Students' Motivation and Its Relationship with Their Academic Performance', *International Journal of Business and Management*, 5.4: 80-88
2. Chen, Pih-Shuw, Chih, Jin-Ton (6/2012), 'The Relations between Learner Motivation and Satisfaction with Management Training: An Empirical Study in Taiwan', *International Journal of Management*, 28.1: 77-90,198.
3. Huang, Y.S., *Study of The Relationship Between Learning Motivation, Learning Satisfaction and Behaviors* (2011), Unpublished Master Thesis, Chung-Hua University, Taiwan.
4. Melor Md Yunus, Wan Safuraa Wan Osman, Noriah Mohd Ishak (2011), *Teacher-student relationship factor affecting motivation and academic achievement in ESL classroom*, Faculty of Education, Universiti Kebangsaan Malaysia, 43600 Bangi, Selangor, Malaysia.
5. Williams, Kaylene C, Williams, Caroline C (2011), 'Five key ingredients for improving student motivation' , *Research in Higher Education Journal*, No 12:1-23.
6. Bùi Thị Hương (2007), 'Kích thích tư duy cho người học', *Tạp chí ĐHQGHN*, Khoa xã hội và nhân văn, số 23, 185-190.
7. Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, tập 1 và 2, NXB Hồng Đức.
8. Nguyễn Thị Thu Thủy (2011), *Khảo sát các yếu tố tác động lên sự thỏa mãn công việc của giảng viên tại thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
9. TS Nguyễn Văn Tuấn (2009), *Tài liệu bài giảng lý luận dạy học*, Trường ĐHSP Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh.